TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984 "vắng mặt".

3. Người làm chứng: Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1956 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/4/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 03 năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Hoàng Nhật T, sinh ngày 08/4/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 27/11/2016 hiện đang sống chung với anh C. Nay chị yêu cầu được giao 02 con chung cho anh C được tiếp tục nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Nguyễn Thị T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Nguyễn Văn C không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Hoàng Nhật T, sinh ngày 08/4/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 27/11/2016 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C, có địa chỉ ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C thành hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2011 và chị T, anh C kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 03 năm 2022 cho đến nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh C. Xét lời trình bày của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của chị T thì anh C không có ý kiến gì, mặt dù Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhưng anh C không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh C có 02 con chung Nguyễn Hoàng Nhật T, sinh ngày 08/4/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 27/11/2016, chị T có ý kiến giao 02 con chung cho anh C nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ nhỏ đến lớn 02 con chung sống với anh C, cuộc sống cháu T và cháu N ổn định, mặc khác cháu Nguyễn Hoàng Nhật T có

ý kiến nguyện vọng sống chung với anh C nên giao 02 con chung Nguyễn Hoàng Nhật T, sinh ngày 08/4/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 27/11/2016 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi là phù hợp với Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Hoàng Nhật T, sinh ngày 08/4/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 27/11/2016 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004071 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Thạch Thị Tuyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã L
(Giấy kết hôn số: 113, ngày 11/10/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.